

Số: 159/2023/QĐST-KDTM

Tân Bình, ngày 03 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 28/2022/TLST-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2022;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V;

Địa chỉ: H L, phường L, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thiên P;

Địa chỉ: Tầng A, số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đ;

Địa chỉ: Lầu A, Tòa nhà V, 132 C, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Quang N;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần Đức T;

Địa chỉ: 3 TTH21, phường T, Quận A, TP .;

- Bà Phạm Ngọc T1;

Địa chỉ: 396/10 TTH21, phường T, Quận A, TP .;

- Ông Huỳnh Đoàn Quốc B;

Địa chỉ: 6 Lô A, chung cư T, khu phố E, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, ông B và bà T1: Ông Nguyễn Quốc B1.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công ty Cổ phần Đ còn nợ Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng cho vay từng lần số SME/ETP/19/0055/HDTD ngày 02/3/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức số ETP/20138 ngày 15/7/2020 và Hợp đồng cho vay hạn mức số ETP/21010 ngày 01/02/2021 đã ký, số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/6/2024 là 30.167.879.755 (ba mươi tỷ một trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 20.807.327.600 (hai mươi tỷ tám trăm lẻ bảy triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm) đồng, nợ lãi quá hạn là 9.307.704.155 (chín tỷ ba trăm lẻ bảy triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn một trăm năm mươi lăm) đồng, lãi phạt là: 52.848.000 (năm mươi hai triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn) đồng.

Công ty Cổ phần Đ còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số SME/ETP/19/0055/HDTD ngày 02/3/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức số ETP/20138 ngày 15/7/2020; Hợp đồng cho vay hạn mức số ETP/21010 ngày 01/02/2021 kể từ ngày 26/6/2024 đến ngày Công ty Cổ phần Đ thanh toán xong nợ toàn bộ nợ gốc cho Ngân hàng TMCP V.

2.2. Phương thức trả nợ: Hạn cuối đến ngày 25/8/2024 Công ty Cổ phần Đ sẽ trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP V.

2.3. Sau khi Công ty Cổ phần Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán đủ số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP V phải trả lại cho ông Trần Đức T và bà Phạm Ngọc T1 các bản chính:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC 968488, số vào sổ cấp GCN số CH 00829 do UBND huyện H cấp ngày 02/12/2015 cho ông Trần Đức T và bà Phạm Ngọc T1.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 305849, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01334-27722/QĐ-UBND do UBND huyện X cấp ngày 16/06/2014 cho ông Trần Đức T.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 279392, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01266-3202/QĐ-UBND do UBND huyện X cấp ngày 26/8/2013 cho ông Trần Đức T.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 189024, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00131-3674/QĐ-UBND do UBND huyện X cấp ngày 27/9/2013 cho ông Trần Đức T

Trừ trường hợp tài sản thế chấp nêu trên còn đảm bảo cho nghĩa vụ vay vốn phải thanh toán khác tại Ngân hàng TMCP V.

2.4. Sau ngày 25/8/2024, nếu Công ty Cổ phần Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 602 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại địa chỉ: xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC 968488, số vào sổ cấp GCN số CH 00829 do UBND huyện H cấp ngày 02/12/2015 cho ông Trần Đức T và bà Phạm Ngọc T1.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 75, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại địa chỉ: xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT

305849, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01334-27722/QĐ-UBND do UBND huyện X cấp ngày 16/06/2014 cho ông Trần Đức T.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 197, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại địa chỉ: xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 279392, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01266-3202/QĐ-UBND do UBND huyện X cấp ngày 26/8/2013 cho ông Trần Đức T.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 207, tờ bản đồ số 21, tọa lạc tại địa chỉ: xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 189024, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 00131-3674/QĐ-UBND do UBND huyện X cấp ngày 27/9/2013 cho ông Trần Đức T.

2.5. Trường hợp, khi phát mãi các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V. Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ của Công ty Cổ phần Đ nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp còn thừa thì phải trả lại số tiền còn thừa cho Công ty Cổ phần Đ.

2.6. Trường hợp, khi phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP V sau khi thực hiện tất cả nghĩa vụ do Công ty Cổ phần Đ phải chịu mà số tiền phát mãi tài sản thế chấp vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Trần Đức T và ông Huỳnh Đoàn B phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đ theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng TMCP V cho đến khi hết nợ.

- Công ty Cổ phần Đ trả cho Ngân hàng TMCP V phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã tạm ứng là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại là 69.083.940 (sáu mươi chín triệu không trăm tám mươi ba nghìn chín trăm bốn mươi) đồng Công ty Cổ phần Đ1;

H lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 65.326.066 (sáu mươi lăm triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn không trăm sáu mươi sáu) đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0031024 ngày 07/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Tân Bình;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Sâm

